

HƯỚNG DẪN

thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Số: 5101
Ngày: 11/7
ĐẾN
Chuyên: đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Căn cứ Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 35); Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW, ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (sau đây gọi tắt là Hướng dẫn 26);

- Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, ngày 09/3/2015 của Chính phủ “Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội” (sau đây gọi tắt là Nghị định 26);

- Căn cứ Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về “Thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp”.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Đối tượng

1.1. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ giữ chức vụ, chức danh chuyên trách do bầu cử trong hệ thống chính trị (cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội) không đủ tuổi tái cử theo quy định tại Chỉ thị 35; Nghị định 26 và các quy định khác của các cấp có thẩm quyền.

- Cán bộ giữ chức vụ bổ nhiệm có thời hạn (không phải chức vụ bầu cử) nhưng được cơ cấu cấp ủy các cấp hoặc đồng thời giữ chức vụ chuyên trách (do bầu cử) của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, nay thôi tái cử vì có nguyện vọng thực hiện theo Nghị định 26.

- Cán bộ được bầu giữ chức danh ủy viên chuyên trách ủy ban kiểm tra Đảng các cấp (từ tỉnh đến cấp huyện và tương đương).

- Cán bộ đủ điều kiện tái cử ở đại hội đảng bộ các cấp nhưng không đủ tuổi tái cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp *hoặc còn thời gian công tác từ dưới 36 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu* nhưng vì sắp xếp nhân sự cấp ủy, bản thân có nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

1.2. Đối tượng không áp dụng

- Cán bộ đã có thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc còn từ đủ 06 tháng trở lại, tính từ ngày tổ chức đại hội các cấp đến ngày nghỉ hưu theo quy định.

- Cán bộ không đủ tuổi tái cử cấp ủy theo Chỉ thị 35 nếu không có nguyện vọng thực hiện theo Nghị định 26 hoặc đang tiếp tục làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2. Điều kiện và chính sách, chế độ

Cán bộ hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định 26 là những người thuộc đối tượng quy định tại Điểm 1 Hướng dẫn này có đủ các điều kiện:

2.1. Những người thôi tham gia tái cử vì tuổi

Là những cán bộ có độ tuổi được quy định tại Chỉ thị 35 và Hướng dẫn 26, với các điều kiện sau:

- Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên theo quy định hiện hành của Luật Bảo hiểm xã hội. Riêng trường hợp cán bộ nữ cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) cần có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên.

- Thời gian công tác tính đến ngày đại hội đảng bộ các cấp; bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp hoặc Đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội mà còn dưới 30 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Việc xác định tuổi của cán bộ, đảng viên khi tái cử không có sự thống nhất (*tuổi của cán bộ, đảng viên không có sự thống nhất trong hồ sơ; trường hợp hồ sơ của cán bộ, đảng viên chỉ ghi năm sinh và không xác định được ngày sinh, tháng sinh*) thì được thực hiện thống nhất theo quy định tại Hướng dẫn 26.

2.2. Chính sách, chế độ đối với người thôi tái cử

Căn cứ vào tuổi tại thời điểm tái cử và nguyện vọng của cán bộ đang giữ chức vụ, chức danh bầu cử để giải quyết chính sách, chế độ đối với từng trường hợp cụ thể theo đúng quy định tại Nghị định số 26.

Cán bộ thôi tái cử, tái bổ nhiệm được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu được hưởng *nguyên mức lương chức vụ hoặc mức lương theo ngạch bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng (nếu có) đến khi nghỉ hưu*; không thực hiện

việc nâng bậc, nâng ngạch lương trong thời gian nghỉ chờ nghỉ hưu và tiếp tục thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

2.3. Thời gian giải quyết chính sách, chế độ đối với người thôi tái cử

Thực hiện từ trước ngày đại hội đảng bộ, Đại hội Mặt trận và đoàn thể chính trị - xã hội của cấp mình là 03 tháng (90 ngày) và chậm nhất không quá 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày kết thúc nhiệm kỳ đại hội (bầu cử) của cấp cán bộ thôi tái cử.

3. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ, chính sách

3.1. Quy trình, thủ tục

Bước 1: Cán bộ, cấp ủy viên các cấp đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP làm đơn nêu rõ nguyện vọng của bản thân gửi cơ quan hiện đang công tác.

Bước 2: Cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ có trách nhiệm họp xét (có biên bản kèm theo) và lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ theo phân cấp. Cụ thể:

+ Cán bộ, cấp ủy viên cấp tỉnh thuộc khối Đảng, đoàn thể gửi tờ trình và hồ sơ về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy);

+ Cán bộ, cấp ủy viên cấp huyện khối Đảng, đoàn thể gửi tờ trình và hồ sơ về ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy (qua ban tổ chức huyện ủy, thị ủy, thành ủy);

+ Cán bộ, cấp ủy viên cấp tỉnh thuộc khối Nhà nước gửi tờ trình và hồ sơ về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ);

+ Cán bộ, cấp ủy viên cấp xã; cán bộ, cấp ủy viên cấp huyện khối Nhà nước gửi tờ trình và hồ sơ về UBND cấp huyện (qua phòng nội vụ huyện, thị xã, thành phố).

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ họp xét thông qua danh sách những người đủ điều kiện, ra quyết định nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu đối với từng cán bộ thuộc cơ quan mình quản lý theo phân cấp. Đồng thời, có văn bản đề nghị giải quyết chế độ, chính sách (kèm theo hồ sơ) gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với cán bộ khối Đảng, đoàn thể từ cấp huyện trở lên); Sở Nội vụ (đối với cán bộ cấp xã và cán bộ thuộc khối Nhà nước từ cấp huyện trở lên) và Sở Tài chính để tổng hợp.

Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu là thời điểm cán bộ thôi giữ chức vụ bầu cử hoặc bổ nhiệm do không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm theo quy định.

3.2. Thành phần hồ sơ đề nghị

- Văn bản (tờ trình) đề nghị giải quyết chế độ, chính sách của thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy; chủ tịch UBND cấp huyện.

- Danh sách cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nghỉ hưu trước tuổi: Đối với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (theo Mẫu số 1 kèm theo).

- Danh sách cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu: Đối với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (theo Mẫu số 2 kèm theo).

- Danh sách cán bộ được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần: Đối với cấp xã (theo Mẫu số 3 kèm theo).

- Quyết định nghỉ hưu trước tuổi hoặc quyết định nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ theo phân cấp.

- Đơn xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc đơn xin nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu của đối tượng.

- Bản sao sổ BHXH hoặc bản ghi quá trình đóng BHXH (có ý kiến xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về tổng thời gian đóng BHXH tính tới thời điểm nghỉ hưu trước tuổi).

- Bản sao các quyết định lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng (nếu có) của 05 năm cuối trước khi nghỉ công tác.

+ Các quyết định phê chuẩn, chuẩn y chức vụ trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi đối với những người đề nghị nghỉ hưu trước tuổi.

+ Quyết định cuối cùng (hiện hưởng) đối với những người đề nghị nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

+ Bản chụp bằng khen thưởng Huân chương, huy chương các loại (đối với cán bộ cấp xã thuộc diện được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để thực hiện chế độ hưu trí quy định tại Điều 3 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP).

- Bảng tính lương bình quân 60 tháng của người đề nghị nghỉ hưu trước tuổi.

Hồ sơ được lập thành 03 bộ và gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với những trường hợp thuộc khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể và những trường hợp là cán bộ lãnh đạo quản lý thuộc Tỉnh ủy quản lý); 02 bộ đối với những trường hợp còn lại theo phân cấp thẩm quyền quản lý.

3.3. Nguồn kinh phí

Kinh phí giải quyết chế độ đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử do ngân sách Nhà nước cấp theo quy định về phân cấp ngân sách hiện hành.

3.4. Tổ chức thực hiện

- Hồ sơ, thủ tục ra quyết định nghỉ hưu, nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu do cơ quan quản lý cán bộ, công chức thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

- Công chức được áp dụng chính sách, chế độ theo Nghị định 26 thì không áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, ngày 31/8/2018 của Chính phủ về *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.*

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để hướng dẫn thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ Địa phương 2, BTCTW,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy(h).



Phạm Minh Loan

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI
 (Theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ)

Mẫu 01

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ trước khi nghỉ việc	Đơn vị công tác	Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Tuổi khi nghỉ hưu trước tuổi	TG đóng BHXH		Lương theo ngạch, bậc, chức danh 5 năm cuối		Tiền lương BQ 5 năm cuối trước khi nghỉ việc (đ/tháng)	Số năm về hưu trước tuổi (năm)	Trợ cấp tính theo TG nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp cho 20 năm đầu có đóng BHXH (đồng)	Trợ cấp từ năm thứ 21 trở đi có đóng BHXH (đồng)	Tổng cộng tiền trợ cấp được nhận (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ					Thực tế	Làm tròn	Hệ số	Ngày tháng năm được hưởng							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng cộng																		

Danh sách cóngười

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ NGHỈ CÔNG TÁC CHỜ ĐỦ TUỔI SẼ NGHỈ HƯU

Theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ

Mẫu 02

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ trước khi nghỉ việc	Đơn vị công tác	Thời điểm nghỉ chờ đủ tuổi	Tuổi khi nghỉ chờ	TG đóng BHXH trước khi nghỉ việc	Mức lương hưởng trước khi nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu (đồng)	Thời gian nghỉ việc được hưởng nguyên lương và đóng tiếp BHXH, BHYT (tháng)	Thời điểm đủ điều kiện hưởng chế độ hưu (đủ tuổi)	Dự toán kinh phí chi trả cho cán bộ trong thời gian nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu	Ghi chú
		Nam	Nữ										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng cộng													

Danh sách có người

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁN BỘ CẤP XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG BHXH MỘT LẦN
 (Theo quy định tại điểm e, Khoản 1, Điều 3, Nghị định 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ)

Mẫu 03

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ trước khi nghỉ việc	Đơn vị công tác	Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Tuổi khi nghỉ hưu trước tuổi	TG đóng BHXH trước khi nghỉ việc	Số tháng thiếu để đóng BHXH đủ 20 năm	Thời điểm đủ điều kiện hưởng chế độ hưu (đủ tuổi)	Mức lương tháng hiện hưởng làm căn cứ đóng BHXH (đồng)	Dự toán kinh phí hỗ trợ tiền đóng BHXH một lần cho thời gian còn thiếu để thực hiện chế độ hưu trí (26%) (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng cộng													

Danh sách cóngười